

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 354/2023/DS-PT

Ngày 19 tháng 6 năm 2023.

V/v: “*Tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các thẩm phán:

Bà Trần Thị Hòa Hiệp

Ông Lê Hoàng Tấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 32/2023/TLPT-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023 về việc “*Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 1348/2022/DS-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1134/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Như M, sinh năm 1964, có mặt.

Địa chỉ: Số 388/7 đường N, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ liên lạc: Số 92/6 đường L, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị Như M: Luật sư Mai Thanh T - Công ty luật TNHH MT, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trương Thanh Đ, sinh năm 1943, vắng mặt.

Địa chỉ: 87 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Thanh Đ: Bà Võ Kim T, sinh năm 1977, có mặt.

Địa chỉ: Số 57C Cư xá P đường L, Phường 5, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 05/4/2023)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1955, có mặt.

Địa chỉ: Số 83 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1961, có mặt.

Địa chỉ: Số 844 đường Q, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Trần Văn L, sinh năm 1952, vắng mặt.

Địa chỉ: 11655 Trask Ave #/, Garden Grove, CA 92843, USA.

3.4. Bà Trần Thị H, sinh năm 1951, vắng mặt.

Địa chỉ: 8074 Sorrento-Ln Stauton, CA90680 USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn L và bà Trần Thị H: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 844 đường Q, Phường 8, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

(Theo Văn bản ủy quyền ngày 18/11/2015).

3.5. Bà Trương Thị Thanh D, sinh năm 1976, có mặt.

Địa chỉ: Số 87 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Trương Thanh D, sinh năm 1980, vắng mặt.

3.7. Ông Trương Hoàng P, sinh năm 1982, vắng mặt.

3.8. Ông Trương Hoàng M, sinh năm 1986, vắng mặt.

3.9. Ông Trương Thanh N, sinh năm 1970, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Thanh D, ông Trương Hoàng P, ông Trương Hoàng M, ông Trương Thanh N: Bà Trương Thị Thanh D, sinh năm 1976, có mặt.

Địa chỉ: Số 87 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 15/8/2019).

3.10. Bà Trần Thị T, sinh năm 1972, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 43/298A đường Q, Phường 12, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.11. Bà Trần Thị Thiên N, sinh năm 1964, vắng mặt.

Địa chỉ: Số 31/8 Đường số 1, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.12. Ông Trần Kinh L, sinh năm 1954, vắng mặt.

3.13. Bà Trần Thị Thanh V, sinh năm 1956, vắng mặt.

3.14. Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1958, vắng mặt.

3.15. Ông Trần Minh Q, sinh năm 1962, vắng mặt.

3.16. Bà Trần Thị Lan C, sinh năm 1966, vắng mặt.

3.17. Bà Trần Thị Bảo C, sinh năm 1969, vắng mặt.

3.18. Ông Trần Trung N, sinh năm 1975, vắng mặt.

3.19. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1935, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 31/8 Đường số 1, Phường 17, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.20. Ông Đỗ Trung C, sinh năm 1971, có mặt.

Địa chỉ: 195/40A Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường A, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3.21. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện ủy quyền của ông Đỗ Văn C: Ông Đỗ Trung C, sinh năm 1971 (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2021).

3.22. Bà Đỗ Thị Ngọc M, sinh năm 1968, có mặt.

Địa chỉ: 467/12 đường LĐT, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.23. Ông Đỗ Thành L, sinh năm 1962, vắng mặt.

3.24. Ông Đỗ Thanh L1, sinh năm 1967, vắng mặt.

3.25. Bà Đỗ Thị Xuân M, sinh năm 1973, vắng mặt.

3.26. Ông Đỗ Thanh T, sinh năm 1976, vắng mặt.

3.27. Bà Đỗ Thị Tuyết M, sinh năm 1955, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 388/7 Đường N, Phường 7, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.28. Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1956, vắng mặt.

Địa chỉ: 12615 Vineyard Trail Lane Sugar Land TX 77478.

Đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Ngọc M, Thành L, Thanh L1, Xuân M, Thanh T, Tuyết M, Thanh H: Ông Đỗ Trung C sinh năm 1986.

Địa chỉ: 390 đường NCT, phường C, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/12/2021).

3.29. Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1958 (chết năm 2019).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đỗ Thanh H:

3.29.1. Bà Nguyễn Ngọc R, sinh năm 1958, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.29.2. Bà Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 1984, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.29.3. Bà Đỗ Thị Thanh T1, sinh năm 1987, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.29.4. Ông Đỗ Thanh H, sinh năm 1990, đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 10 Ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3.30. Ông Nguyễn Tiến P, sinh năm 1982, đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 85 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.31. Ông Huỳnh Kim B, sinh năm 1975, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.32. Ông Huỳnh Anh N, sinh năm 2004, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.33. Ông Huỳnh Anh T, sinh năm 2001, đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 87 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.34. Bà Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.35. Ông Trương Anh T, sinh năm 2003, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.36. Ông Trương Anh K, sinh năm 1999, đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 85/10A đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.37. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1987, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.38. Bà Lê Thị Hồng N, sinh năm 1984, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.39. Bà Dương Thị D, sinh năm 1985, đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 69/404B đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.40. Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 332 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận G:* Ông Kha Huy B, sinh năm 1980, đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 332 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo:

4.1. Bà Đỗ Thị Như M – Là nguyên đơn.

4.2. Ông Trương Văn Đông – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện (đơn yêu cầu độc lập) ngày 21/02/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M và người đại diện theo ủy quyền của bà Đỗ Thị Như M trình bày:*

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M yêu cầu phân chia di sản của ông Trần Văn S (sinh năm 1905, mất năm 1979) để lại và xác định mẹ ruột của bà là bà Trần Thị M có quyền hưởng phần di sản thừa kế của ông Trần Văn S. Do mẹ của bà Đỗ Thị Như M chết năm 2015, nên bà và các anh, chị, em của bà sẽ được hưởng thừa kế chuyển tiếp phần di sản của ông Trần Văn S để lại gồm các bất động sản có nguồn gốc từ Bằng khoán số 994 gồm 7 thửa đất:

- Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 105 tại số 85 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thừa đất số 510, tờ bản đồ số 105 tại số 85/4 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thừa đất số 508, tờ bản đồ số 105 tại số 85/8 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thừa đất số 507, tờ bản đồ số 105 tại số 87 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thừa đất số 505, tờ bản đồ số 105 tại số 85/10 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thừa đất số 506, tờ bản đồ số 105 tại số 85/10A đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thừa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02 tại số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng diện tích là 720,26m² có giá trị là 89.546.843.386 đồng. Bà Đỗ Thị Như M và các anh em không tranh chấp tài sản trên đất và yêu cầu chia cho 07 thừa kế của ông Trần Văn S gồm: Bà Đặng Thị M chết (chồng là ông Trương Thanh Đ và các con), bà Trần Thị H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Văn X (chết), Trần Thị M (chết, có con là bà Đỗ Thị Như M và các anh, chị, em của bà Đỗ Thị Như M), mỗi thừa kế được hưởng 1/7 giá trị di sản. Bà Đỗ Thị Như M và các anh em yêu cầu được hưởng thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất, ước tính giá trị mà mẹ bà được hưởng là 1/7 giá trị di sản tương đương 12.394.000.000 đồng (Mười hai tỷ ba trăm chín mươi bốn triệu đồng).

- Bị đơn ông Trương Thanh Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Thanh Đ trình bày:

Theo Giấy phép hợp thức hóa nhà số 1452/GP-UBQ ngày 25/12/1987 do UBND quận G cấp, thì nhà đất số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Trần Văn S và bà Đoàn Thị S, với diện tích 55m². Sau khi ông Trần Văn S, bà Đoàn Thị S chết, vợ chồng ông Trương Thanh Đ, bà Đặng Thị M và các con cùng nhau sử dụng, sửa chữa, xây dựng mới như hiện nay.

Năm 2002, bà Đặng Thị M là người đại diện đứng đơn khai trình và được Ủy ban nhân dân quận G cấp đổi chủ quyền ngày 23/4/2002 theo hồ sơ gốc số 286/2002, với diện tích đất được công nhận là 183,56m², riêng căn nhà xây dựng xong năm 2003 nhưng chưa hoàn công. Gia đình ông Trương Thanh Đ và các con gồm cả con dâu, con rể và các cháu sinh sống cho đến nay. Toàn bộ tiền xây dựng mới căn nhà này là tiền công sức của vợ chồng và các con của ông.

Ông Trương Thanh Đ chỉ đồng ý chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất diện tích 183,56m² và xem xét đến phần công sức của vợ chồng ông Trương Thanh Đ trong việc gìn giữ và tôn tạo di sản bởi gia đình ông có công sức làm tăng diện tích nhà đất từ 55m² lên thành 183,56m². Còn giá trị xây dựng trên đất là thuộc sở hữu của vợ chồng và các con của ông.

Ông Trương Thanh Đ yêu cầu Tòa án chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Ngoài suất thừa kế mà bà Đặng Thị M được hưởng, ông

Trương Thanh Dyêu cầu Tòa xem xét chia cho bà Đặng Thị M phần công sức bằng 01 suất thừa kế nữa. Do bà Đặng Thị M đã chết nên phần bà Đặng Thị M hưởng đề nghị Tòa án chia cho ông Trương Thanh Đ và các con ông Trương Thanh Đ cùng hưởng. Đối với công trình xây dựng trên đất là hiện trạng căn nhà như hiện nay là thuộc quyền sở hữu của ông Trương Thanh Đ và bà Đặng Thị M, ông Trương Thanh Đ yêu cầu được nhận nhà đất để tiếp tục ổn định cuộc sống, ông Trương Thanh Đ sẽ hoàn tiền cho các đồng thừa kế khác theo quy định của pháp luật.

Ông Trương Thanh Đ không đồng ý yêu cầu của bà Đỗ Thị Như M về việc yêu cầu chia thừa kế đối với các thửa đất tại số 85, 85/4, 85/8, 87, 85/10, 85/10A đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh vì các thửa đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông và các con ông đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng theo quy định của pháp luật.

- Theo lời trình bày của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H, bà Trần Thị Thu H có ý kiến: Cụ Trần Văn S (chết năm 1979) và bà Đoàn Thị S (chết năm 1998) có tổng cộng 05 người con gồm: Bà Đặng Thị M (chết năm 2012, những người thừa kế của bà Đặng Thị M gồm: ông Trương Thanh Đ, ông Trương Thanh N, bà Trương Thị Thanh D, ông Trương Thanh D, ông Trương Hoàng M); bà Trần Thị H, sinh năm 1951 (cư trú tại Mỹ); ông Trần Văn L (cư trú tại Mỹ); bà Trần Thị Thu H; bà Trần Thị Mỹ H.

Ngoài ra ông Trần Văn S còn có 02 người con riêng là: Bà Trần Thị M (chết năm 2015 có chồng là ông Đỗ Văn Đ chết năm 2014 và 11 người con là: Ông Đỗ Thanh H chết năm 2019, bà Đỗ Thị Tuyết M, ông Đỗ Thanh H (cư trú Hoa Kỳ), ông Đỗ Văn C, ông Đỗ Thành L, bà Đỗ Thị Như M, ông Đỗ Thanh L1, bà Đỗ Thị Ngọc M, ông Đỗ Trung C, bà Đỗ Thị Xuân M và ông Đỗ Thanh T); Ông Trần Văn X (mất năm 2019, có vợ là bà Nguyễn Thị Đ và 09 người con là: Ông Trần Kinh L, bà Trần Thị Thanh V, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Minh Q, bà Trần Thị Thiên N, bà Trần Thị Lan C, bà Trần Thị Bảo C, bà Trần Thị T và ông Trần Trung N).

Bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H xác định di sản thừa kế của ông Trần Văn S và bà Đoàn Thị S chỉ có nhà, đất số 69/404 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép hợp thức hóa nhà số 1452/GP-UBQ do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 25/12/1987. Sau đó bà Đặng Thị M là người đại diện đứng đơn khai trình và được Ủy ban nhân dân quận G cấp đổi chủ quyền ngày 23/4/2002 theo hồ sơ gốc số 286/2002. Còn lại các nhà đất tại số 85/10, 85/10A, 85/8, 85/4, 85 và 87 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc tài sản riêng của ông Trương Thanh Đ và các con ông Trương Thanh Đ.

Bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H hoàn toàn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của ông Trương Thanh Đ. Trong vụ án này, nếu hai bà được chia di sản của ông Trần Văn S, bà Đoàn Thị S, thì hai bà tự nguyện tặng cho ông Trương Thanh Đ toàn bộ kỹ phần thừa kế mà hai bà được hưởng.

Trước đây bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H là người khởi kiện yêu cầu chia di sản của ông Trần Văn S và bà Đoàn Thị S để lại. Nay tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, đề nghị đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của hai bà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L và bà Trần Thị H có bà Trần Thị Mỹ H là người đại diện ủy quyền có ý kiến: Ông Long và bà Huệ đồng ý tặng cho ông Trương Thanh Đ toàn bộ phần di sản được nhận thừa kế.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Thanh D, ông Trương Thanh N, ông Trương Thanh D, ông Trương Hoàng P, ông Trương Hoàng M ủy quyền cho bà Trương Thị Thanh D làm đại diện trình bày: Đồng ý với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu của ông Trương Thanh Đ. Bà Trương Thị Thanh D và tất cả anh em đồng ý tặng cho phần thừa kế mà các ông, bà được hưởng cho ông Trương Thanh Đ toàn quyền sở hữu. Đối với phần giá trị xây dựng nhà số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Trương Thị Thanh D và các anh em còn lại cũng tặng cho ông Trương Thanh Đ toàn quyền sở hữu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Trung C, ông Đỗ Văn C, Đỗ Thị Ngọc M, ông Đỗ Thành L, ông Đỗ Thanh L1, bà Đỗ Thị Xuân M, ông Đỗ Thanh T, bà Đỗ Thị Tuyết M, ông Đỗ Thanh H: Thống nhất ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Thanh H (đã chết năm 2019) và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đỗ Thanh H có bà Nguyễn Ngọc R, bà Đỗ Thị Thanh T, bà Đỗ Thị Thanh T1, ông Đỗ Thanh H có ý kiến: Thống nhất ý kiến của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T, bà Trần Thị Thiên N (là con của ông Trần Văn X): Không có ý kiến và yêu cầu gì trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Kinh L, bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị Thanh V, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Minh Q, bà Trần Thị Lan C, bà Trần Thị Bảo C, ông Trần Trung N (con của ông Trần Văn X): Vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, nên không có lời khai nêu ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến P có ý kiến: Ông Nguyễn Tiến P đang thuê căn nhà số 85 đường Q, Phường 10, quận G của ông Trương Thanh Đ, để kinh doanh mua bán quần áo. Ông Nguyễn Tiến P không tranh chấp gì và cam kết thực hiện theo quyết định của Tòa án và có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Anh N, ông Huỳnh Anh T, bà Nguyễn Thanh T, ông Trương Anh T, ông Trương Anh K, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Lê Thị Hồng N, bà Dương Thị D có ý kiến: Đồng ý với ý kiến bị đơn và yêu cầu vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh có ông Kha Huy B làm đại diện có ý kiến: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở đối với các nhà đất số 85, 85/4, 85/8, 87, 85/10, 85/10A, 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đúng theo quy định pháp luật và đề nghị xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân quận G.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 1348/ 2022/HC-ST ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 2 và khoản 5 Điều 26; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 208, 209, 219, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 14 Luật đất đai năm 1987; Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Luật Người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, về việc yêu cầu chia thừa kế với đối di sản của ông Trần Văn S, bà Đoàn Thị S - mỗi phần thừa kế mỗi người hưởng 700.000.000 đồng và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Đỗ Thị Như M:

2.1. Xác định quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở là nhà đất số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 286/2002, do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/04/2002, với diện tích đất 183,56m² là tài sản của ông Trần Văn S, bà Đoàn Thị S chết để lại.

2.2. Hàng thừa kế theo pháp luật hưởng tài sản của ông Trần Văn S gồm vợ và 07 (bảy) người con: Bà Đoàn Thị S, bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị H, bà Đặng Thị M (chết) nên chồng và con bà Đặng Thị M được hưởng, ông Trần Văn X (chết) nên vợ và các con ông Trần Văn X được hưởng và bà Trần Thị M (chết), nên các con bà Muối được hưởng.

2.3. Hàng thừa kế theo pháp luật hưởng di sản của bà Đoàn Thị S gồm 05 (năm) người con: Bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị H và bà Đặng Thị M (chết) nên chồng và con bà Đặng Thị M được hưởng.

2.4. Chia tài sản chung của ông Trần Văn S và chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị S:

2.4.1. Xác định 1/2 quyền sử dụng đất (của 183,56m²) tại thửa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02 thuộc nhà đất số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G có giá trị là 8.358.446,818 (Tám tỷ ba trăm năm mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm mười tám) đồng, là tài sản chung chưa chia, nay được chia như sau:

- Bà Đoàn Thị S, bà Trần Thị H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H mỗi người được hưởng 928.716.313 (Chín trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm mười ba) đồng.

- Chồng và con bà Đặng Thị M gồm: ông Trương Thanh Đ, ông Trương Thanh D, ông Trương Hoàng P, ông Trương Hoàng M, ông Trương Thanh N, bà Trương Thị Thanh D cùng được hưởng 1.857.432.626 (Một tỷ tám trăm năm mươi bảy triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi sáu) đồng.

- Vợ và con ông Trần Văn X gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Thiên N, ông Trần Kinh L, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Minh Q, bà Trần Thị Thanh V, bà Trần Thị Lan C, bà Trần Thị Bảo C, ông Trần Trung N cùng được hưởng 928.716.313 (Chín trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm mười ba) đồng - mỗi người được hưởng 92.871.631 (Chín mươi hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn sáu trăm ba mươi một) đồng.

- Các con bà Trần Thị M gồm: Bà Đỗ Thị Như M, ông Đỗ Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc M, ông Đỗ Thành L, ông Đỗ Thanh L1, bà Đỗ Thị Xuân M, ông Đỗ Thanh T, bà Đỗ Thị Tuyết M, ông Đỗ Thanh H, ông Đỗ Trung C và vợ con của ông Đỗ Thanh H cùng hưởng 928.716.313 (Chín trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm mười ba) đồng - mỗi thừa kế được hưởng 84.428.755 (Tám mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi lăm) đồng. Trong đó bà Nguyễn Ngọc R, bà Đỗ Thị Thanh T, bà Đỗ Thị Thanh T1, ông Đỗ Thanh H mỗi người được hưởng 21.107.188 (Hai mươi một triệu một trăm lẻ bảy nghìn một trăm tám mươi tám) đồng.

2.4.2. Xác định di sản của bà Đoàn Thị S để lại có giá trị là 9.287.163.131 (Chín tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ba nghìn một trăm ba mươi một) đồng và được chia như sau:

- Chồng và các con của bà Đặng Thị M gồm: Ông Trương Thanh Đ, ông Trương Thanh D, ông Trương Hoàng P, ông Trương Hoàng M, ông Trương Thanh N, bà Trương Thị Thanh D cùng được hưởng 3.095.721.042 (Ba tỷ không trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi một nghìn không trăm bốn mươi hai) đồng.

- Bà Trần Thị H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, mỗi người được hưởng 1.547.860.521 (Một tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn năm trăm hai mươi một) đồng.

2.5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M đối với yêu cầu chia di sản thừa kế 06 (sáu) bất động sản gồm: Nhà đất số 85 thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 105; nhà đất số 85/4 thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 105; nhà đất số 85/8 thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 105; nhà đất số 87 thuộc thửa số 507, tờ bản đồ số 105; nhà đất số 85/10 thuộc thửa số 505, tờ bản đồ số 105; nhà đất số 85/10A thuộc thửa đất số 506, tờ bản đồ số 105, tất cả tọa lạc tại đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị H, ông Trương Thanh D, ông Trương Hoàng P, ông Trương Hoàng M, ông Trương Thanh N, bà Trương Thị Thanh D tự nguyện tặng cho toàn bộ giá trị thừa kế mà họ được hưởng cho ông Trương Thanh Đ toàn quyền sở hữu.

2.7. Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế không tranh chấp giá trị xây dựng trên đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của các con ông Trương Thanh Đ không tranh chấp giá trị xây dựng căn nhà số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G và giao cho ông Trương Thanh Đ toàn quyền sở hữu.

2.8. Giao nhà đất số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 286/2002 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 23/04/2002 cho ông Trương Thanh Đ toàn quyền sở hữu; ông Trương Thanh Đ có trách nhiệm hoàn tiền cho các thừa kế còn lại (chi ông Trần Văn X và chi bà Muối) theo giá trị mà họ được chia tại mục [2.4.1] phần Quyết định của bản án này.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án; về trách nhiệm không tự nguyện thi hành việc hoàn tiền cho các đồng thừa kế, thì phải bàn giao nhà đất và giấy tờ nhà cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện đấu giá, phát mãi theo quy định của pháp luật; về việc nghĩa vụ xác lập quyền sở hữu đối với nhà, đất số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật; về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 24/8/2022, nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế gồm 7 bất động sản có nguồn gốc từ bằng khoán 994 của cụ Trần Văn L đứng bộ.

- Ngày 05/9/2022 bị đơn ông Trương Thanh Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, ông Trương Thanh Đ chỉ đồng ý chia thừa kế 55m² đất tại số 69/404 đường Q, Phường 10, quận G.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng nguồn gốc đất của cụ Trần Văn L đứng bộ năm 1940. Cụ Trần Văn S được nhận thừa kế từ cố Trần Văn L, khi kê khai đăng ký cấp quyền sử dụng đất ông Trương Thanh Đ và Mạnh thừa nhận phần đất có nguồn gốc của cố Trần Văn L, cụ Trần Văn S. Do đó bà Đỗ Thị Như M yêu cầu chia di sản của cụ Trần Văn S để lại gồm 07 thửa đất do ông Trương Thanh Đ kê khai ký cấp quyền sử dụng đất với tổng diện tích 720,26m² đất.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích của nguyên đơn có ý kiến: Có căn cứ xác định đất có nguồn gốc của cố Trần Văn L để lại thừa kế cho cụ Trần Văn S nhưng án sơ thẩm nhận định không phải là di sản của cụ Trần Văn S là không đúng pháp luật. Đối với hàng thừa kế của cụ Trần Văn S thì chưa có căn cứ xác định bà Đặng Thị M là con của cụ Trần Văn S nên phân chia di sản của cụ Trần Văn S cho bà Đặng Thị M được hưởng thừa kế là chưa phù hợp.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trương Thanh Đ có bà Võ Kim T đại diện trình bày: Ông Trương Thanh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế diện tích 183,56m² đất tại số 69/404 là không phù hợp vì theo giấy phép hợp thức hóa nhà thì căn nhà chỉ có 55m². Do đó ông Trương Thanh Đ chỉ đồng ý chia thừa kế đối với 55m² đất tại số 69/404 đường Q, Phường 10, quận G. Phần đất còn lại là của gia đình ông Trương Thanh Đ tạo lập nên không chấp nhận chia thừa kế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án về việc tuân theo pháp luật trong quá trình

giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu kháng cáo: Xét thấy bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế, di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn S và cụ Đoàn Thị S để lại là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị bác kháng cáo của bà Đỗ Thị Như M và ông Trương Thanh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M, bị đơn ông Trương Thanh Đ làm trong thời hạn luật định, hợp lệ, đủ điều kiện để thụ lý, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng nên tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về hàng thừa kế của cụ Trần Văn S:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng để giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M, bị đơn ông Trương Thanh Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án thống nhất xác định:

(chết trước năm 1940) là ông Nội của cụ Trần Văn S.

Cụ ông Trần Văn S (chết năm 1979) và cụ bà Đoàn Thị S (chết năm 1998) có tất cả 05 người con chung gồm: bà Đặng Thị M (chết năm 2012), bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị H. Bà Đặng Thị M (có chồng là ông Trương Thanh Đ và các con là: Ông Trương Thanh D, ông Trương Hoàng P, ông Trương Hoàng M, ông Trương Thanh N, bà Trương Thị Thanh D).

Ngoài ra cụ Trần Văn S còn có 02 người con riêng là ông Trần Văn X (ông Trần Văn X chết năm 2019 có vợ là bà Nguyễn Thị Đ và các con gồm: Ông Trần Kinh L, bà Trần Thị Thanh V, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Minh Q, bà Trần Thị Lan C, bà Trần Thị Bảo C, ông Trần Trung N, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Thiên N) và bà Trần Thị M (bà Muối chết năm 2015, có các con gồm: Bà Đỗ Thị Như M, ông Đỗ Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc M, ông Đỗ Thành L, ông Đỗ Thanh L1, bà Đỗ Thị Xuân M, ông Đỗ Thanh T, bà Đỗ Thị Tuyết M, ông Đỗ Thanh H, ông Đỗ Trung C, ông Đỗ Thanh H (ông Đỗ Thanh H chết năm 2019 - có vợ là bà Nguyễn Ngọc R và các con là: Bà Đỗ Thị Thanh T, bà Đỗ Thị Thanh T1, ông Đỗ Thanh H).

Do các đương sự thống nhất khai những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn S và cụ Đoàn Thị S. Nên Bản án sơ thẩm nhận định về hàng thừa kế thứ nhất của cụ Trần Văn S và cụ Đoàn Thị S được các đương sự thừa nhận là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 là có căn cứ.

Sau khi xét xử sơ thẩm nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M chỉ có kháng cáo yêu cầu chia di sản thừa kế các thửa đất do bị đơn đang quản lý sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đỗ Thị Như M có ý kiến cho rằng chưa đủ cơ sở xác định bà Đặng Thị M là con của cụ Trần Văn S nhưng án sơ thẩm chia di sản của cụ Trần Văn S cho bà Đặng Thị M và những người thừa kế của bà Đặng Thị M được hưởng là không phù hợp. Do đó không chấp nhận ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M yêu cầu chia di sản của cụ Trần Văn S để lại tại gồm: Nhà, đất tại số 85 thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 105; nhà, đất tại số 85/4 thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 105; nhà, đất tại số 85/8 thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 105; nhà, đất tại số 85/10 thuộc thửa số 505, tờ bản đồ số 105; nhà, đất tại số 85/10A thuộc thửa đất số 506, tờ bản đồ số 105, nhà đất tại số 87 thuộc thửa số 507, tờ bản đồ số 105; tất cả tọa lạc tại đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh:

[3.1] Căn cứ vào Trích sao điền thổ số 1682/TS-TTLT ngày 11/9/2001 của Sở địa chính nhà đất - Trung tâm thông tin lưu trữ tư liệu địa chính nhà đất cung cấp cho Ủy ban nhân dân quận G, bằng khoán 994 do ông Trần Văn L đứng bộ được lập ngày 22/7/1940 theo tờ lược giải số 1 ngày 22/7/1940 có diện tích 4.820m². Tại thời điểm lập bộ năm 1940, cố Trần Văn L đã chết.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M khai các thửa đất nêu trên có nguồn gốc của cố Trần Văn L đứng bộ năm 1940 tại Bằng Khoán 994, sau khi cố Trần Văn L chết phần đất để lại cho cụ Trần Văn S thừa kế. Do cụ Trần Văn S chết và mẹ bà là bà Muối đã chết nên bà Đỗ Thị Như M khởi kiện yêu cầu chia di sản của cụ Trần Văn S để lại là quyền sử dụng đất tại số 85, 85/4, 85/8, 85/10, 85/10A, 87 đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và yêu cầu giải quyết cho các anh chị em của bà được nhận phần thừa kế của bà Muối được hưởng phần thừa kế di sản của cụ Trần Văn S. Tuy nhiên, bà Đỗ Thị Như M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cụ Trần Văn S có quá trình sử dụng đất và các giấy tờ về quyền sử dụng đất của cụ Trần Văn S.

Bị đơn ông Trương Thanh Đ khai nguồn gốc đất trước đây của Cố Trần Văn L đứng bộ năm 1940. Tuy nhiên sau đó các thừa kế của cố Trần Văn L không ai quản lý sử dụng đất. Ông Trương Thanh Đ và bà Đặng Thị M trực tiếp quản lý, sử dụng đất và cất nhà trên đất để ở sau đó ông Trương Thanh Đ - bà Đặng Thị M kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra ông Trương Thanh Đ và bà Đặng Thị M được ông Trần Văn Hiếm tặng cho nhà đất theo Giấy phép ngày 16/7/1985 của Ủy ban nhân dân quận G cho phép ông Trần Văn Hiếm được ủy quyền căn nhà số 21 đường Q, Phường 10, quận G do ông Hiếm là chủ sở hữu nhà tự xây cất năm 1955 cho cháu là Trương Thanh Đ và Đặng Thị M được sử dụng để ở diện tích 20 mét vuông (Bút lục 727).

[3.2] Xét quá trình sử dụng đất và kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại số 85, số 85/4; số 85/8; số 85/10, số 85/10A, và số 87 phường 10 đường Q quận G, thấy rằng:

Tại Trích sao sổ điền thổ số 1682/TS-TTLT ngày 11/9/2001 (Bút lục 733) do Trung tâm thông tin lưu trữ tư liệu địa chính nhà đất thuộc Sở địa chính nhà đất Thành phố Hồ Chí Minh xác định; “Bản trích sao điền thổ, thuộc về bất động sản số 994 Hạnh Thông Xã lập bộ ngày 22/7/1940, diện tích 4.820m² do Trần Văn L (chết) đứng bộ (tờ lược giải số 1 ngày 22/7/1940)”. Căn cứ tư liệu đo đạc đất, không có tên cụ Trần Văn S đứng tên kê khai đăng ký quyền sử dụng đất.

Tại Công văn số: 4130/UBND –TNMT ngày 23/8/2019 của Ủy ban nhân dân quận G xác định phần đất tại số 85, số 85/4; số 85/8; số 85/10, số 85/10A, và số 87 phường 10 đường Q quận G do gia đình ông Trương Thanh Đ, bà Đặng Thị M và các con của ông Trương Thanh Đ kê khai đăng ký được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được thể hiện:

- Theo Giấy phép ngày 16/7/1985 của Ủy ban nhân dân quận G cho phép (chuyển dịch nhà cửa) số 293/GP-UBQ cho ông Trần Văn Hiêm được ủy quyền sở hữu căn nhà số 21 phường 10 đường Q quận Gò Vấp do ông Hiêm là chủ sở hữu nhà tự xây cất năm 1955 cho cháu là Trương Thanh Đ và Đặng Thị M được sử dụng để ở diện tích 20m². Đến ngày 30/9/1991, Ủy ban nhân dân quận G cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất tạm thời số 1911/GCN.RĐ.UBQ cho ông Trương Thanh Đ tại các thửa 10, 11, 14, 15 tờ bản đồ số 01 diện tích 548m² tại phường 10 quận G (Bút lục 728).

- Nhà, đất tại số 85 (số cũ 69/404B) do ông bà Trương Thanh Đ – Đặng Thị M là chủ sở hữu theo đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do ông Trương Thanh Đ và bà Đặng Thị M xây dựng nhà ngày 15/10/1979 nhưng không xin phép sử dụng (Bút lục 831). Ngày 31/12/2001 ông Trương Thanh Đ và bà Đặng Thị M lập tờ khai nộp tiền sử dụng đất và nộp lệ phí trước bạ diện tích 111,54m² tại nhà số 21 đường Q, Phường 10, quận G; diện tích 138,30m² tại nhà số 69/404B đường Q, Phường 10, quận G và ngày 22/5/2002 bà Đặng Thị M lập tờ khai nộp tiền sử dụng đất diện tích 183,56m² tại nhà số 69/404 (Bút lục 831-839). Ngày 26/10/2012, Ủy ban nhân dân quận G cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Trương Thanh Đ diện tích 241,4m² thuộc thửa 19 tờ bản đồ số 105 tại số 85 đường Q, Phường 10, quận G (Bút lục 757) và đến ngày 27/7/2016, Ủy ban nhân dân quận G cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Trương Thanh Đ diện tích 241,4m² thuộc thửa 19 tờ bản đồ số 105 tại số 85 đường Q, Phường 10, quận G (Bút lục 759).

- Nhà, đất tại số 85/4 có nguồn gốc thuộc bằng khoán 994 Hạnh Thông Xã do Trần Văn L đứng bộ năm 1940 (chết) để lại cho con cháu sử dụng không giấy tờ. Ông Trương Thanh Đ được thừa hưởng một phần. Năm 2002 ông Trương Thanh Đ cho con là Trương Hoàng P một phần đất. Ông Trương Hoàng P tự xây dựng nhà năm 2002 không xin phép. Ngày 11/01/2012 Ủy ban nhân dân quận G cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Trương Hoàng P. Ngày 15/7/2013 các con của ông Trương Thanh Đ có giấy cam kết đồng ý để ông Trương Hoàng P và bà Nguyễn Thị Thanh T được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại nhà số 85/4. Ngày 20/8/2013, Ủy ban nhân dân quận G cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho

ông Trương Hoàng P và bà Nguyễn Thị Thanh T diện tích 49,8m² thuộc thửa đất 510 tờ bản đồ số 105 tại nhà số 85/4 đường Q, Phường 10, quận G (Bút lục 718).

- Nhà, đất tại số 85/8 có nguồn gốc thuộc bằng khoán 994 Hạnh Thông Xã do Trần Văn L đứng bộ năm 1940 (chết) để lại cho con cháu sử dụng không giấy tờ. Ông Trương Thanh Đ được thừa hưởng một phần. Năm 2000 ông Trương Thanh Đ cho con là Trương Thanh D một phần đất 45m² đất, ông Trương Thanh D xây cất năm 2002 không xin phép. Ngày 27/6/2013 các con của ông Trương Thanh Đ có giấy cam kết đồng ý để ông Trương Thanh D và bà Dương Thị D được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại nhà số 85/8. Ngày 20/8/2013 Ủy ban nhân dân quận G cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Trương Thanh D – bà Dương Thị D diện tích 45m² thuộc thửa 508 tờ bản đồ số 105 tại số 85/4 đường Q, Phường 10, quận G (Bút lục 786).

- Nhà, đất tại số 85/10 (số cũ 69/404J) thuộc giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân cấp cho ông Trương Thanh Đ - Đặng Thị M diện tích 169,57m² tại nhà số 69/404J đường Q, Phường 10, quận G thuộc thửa đất 25-89 theo hồ sơ gốc số 2226/2002 (Bút lục 750). Đến ngày 26/7/2011, Ủy ban nhân dân quận G cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số CH 02107 cho ông Trương Thanh Đ - Đặng Thị M diện tích 169,2m² tại nhà số 69/404J thuộc thửa đất 504 tờ bản đồ số 105 (Bút lục 749). Ông Huỳnh Kim B – bà Trương Thị Thanh D nhận tặng cho một phần diện tích theo hợp đồng số 25663 ngày 20/10/2011. Đến ngày 21/11/2011, Ủy ban nhân dân quận G cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Huỳnh Kim B – bà Trương Thị Thanh D diện tích 86,1m² thuộc thửa đất 505 tờ bản đồ số 105 tại số 85/10 đường Q, Phường 10, quận G (Bút lục 704).

- Nhà, đất tại số 85/10A (số cũ 69/404J) thuộc giấy chứng nhận số CH 02107 ngày 26/7/2011 do Ủy ban nhân dân quận G cấp cho ông Trương Thanh Đ - Đặng Thị M diện tích 169,2m² tại nhà số 69/404J thuộc thửa đất 504 tờ bản đồ số 105. Ông Trương Thanh N và bà Nguyễn Thanh T nhận tặng cho một phần diện tích theo hợp đồng số 25664 ngày 20/10/2011. Ngày 21/11/2011, Ủy ban nhân dân quận G cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Trương Thanh N và bà Nguyễn Thanh T diện tích 83,1m² thuộc thửa đất 506 tờ bản đồ số 105 tại nhà số 85/10A đường Q, Phường 10, quận G (Bút lục 693).

- Nhà, đất tại số 87 có nguồn gốc thuộc bằng khoán 994 Hạnh Thông Xã do Trần Văn L đứng bộ năm 1940 (chết) để lại cho con cháu sử dụng không giấy tờ. Ông Trương Thanh Đ được thừa hưởng một phần. Căn nhà 87 (số cũ số 21) thuộc Giấy chứng nhận số 01931 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 27/8/2012 cho ông Trương Thanh Đ diện tích 31,3m² thuộc thửa 507 tờ bản đồ số 105 tại số 87 đường Q, Phường 10, quận G (Bút lục 742).

Xét thấy nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M cho rằng các thửa đất nêu trên là di sản của cụ Trần Văn S được thừa kế từ cố Trần Văn L theo bằng khoán do cố Trần Văn L đứng bộ năm 1940. Nhưng bà Đỗ Thị Như M không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cụ Trần Văn S và cụ Đoàn Thị S có các loại giấy tờ về đất đối với các thửa đất tại số 85, 85/4, 85/8, 85/10, 85/10A, 87 đường Q, Phường 10,

quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Trên thực tế các thửa đất nêu trên mà do ông Trương Thanh Đ, bà Đặng Thị M và các con của ông Trương Thanh Đ quản lý sử dụng, kê khai đăng ký và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử đất.

Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Như M yêu cầu chia di sản của cụ Trần Văn S là quyền sử dụng đất tại số 85, 85/4, 85/8, 87, 85/10, 85/10A đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Tại phiên toà nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị Như M yêu cầu chia di sản của cụ Trần Văn S đối với quyền sử dụng đất tại số 85, 85/4, 85/8, 87, 85/10, 85/10A đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là có đúng quy định của pháp luật.

[3.2] Đối với diện tích 183,56m² đất thuộc thửa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02 tại số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thấy rằng:

Tại Công văn số: 4130/UBND –TNMT ngày 23/8/2019 của Ủy ban nhân dân quận G xác định “Nhà và đất tại số 69/404 đường Q, phường 10 quận G nguồn gốc đất thuộc bằng khoán 994 Hạnh Thông Xã do ông Trần Văn L (chết) đứng bộ để lại cho con cháu sử dụng không giấy tờ, căn nhà do cụ Trần Văn S và cụ Đoàn Thị S xây dựng năm 1960. Ngày 25/12/1987 của Ủy ban quận G cấp Giấy phép (hợp thức hóa nhà) số 1452/GP-UBQ Đoàn Thị S - Trần Văn S (chết năm 1979) đến năm 1998 cụ Đoàn Thị S làm thêm phần bếp không xin phép. Cùng năm 1998 cụ Đoàn Thị S chết để lại cho con cháu sử dụng. Ngày 23/4/2002 của Ủy ban nhân dân quận G đã cấp giấy chứng nhận số 286/2002 cho Đặng Thị M đại diện đứng đơn khai trình (diện tích đất 183,56m²; diện tích xây dựng 96,74m², diện tích sàn xây dựng 96,74m²) thuộc thửa 25-85 tờ bản đồ số 02 phường 10”. (Bút lục 1084-1086).

Như vậy có căn cứ xác định quyền sử dụng đất ở diện tích 183,56m² đất thuộc thửa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02 tại số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là của cụ ông Trần Văn S và cụ bà Đoàn Thị S chết để lại.

Do cụ Trần Văn S và cụ Đoàn Thị S chết không để lại di chúc. Nên nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản là quyền sử dụng diện tích 183,56m² đất thuộc thửa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02 tại số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q là có căn cứ. Nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M yêu cầu chia di sản thừa kế và nhận giá trị nên án sơ thẩm phân chia di sản của cụ Trần Văn S và cụ Đoàn Thị S cho các thừa kế được nhận giá trị bằng tiền là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tại cấp sơ thẩm bị đơn ông Trương Thanh Đ cũng thừa nhận diện tích 183,56m² đất thuộc thửa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02 tại số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của cụ Trần Văn S và cụ Đoàn Thị S để lại và đồng ý chia thừa kế theo pháp luật diện tích 183,56m² đất. Do đó, án sơ thẩm phân chia di sản của cụ Trần Văn S và cụ Đoàn Thị S để lại là quyền sử dụng diện tích 183,56m² đất thuộc thửa đất số 25-85 tờ bản đồ số 02 tại số 69/404 (nay là số 61/12) trong đó có xem xét tính công sức của ông

Trương Thanh Đ và bà Đặng Thị M trong việc tôn tạo và gìn giữ di sản và được xác định công sức của bà Đặng Thị M, ông Trương Thanh Đương đương một kỷ phần thừa kế là có căn cứ phù hợp theo tinh thần của Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016 của Tòa án nhân dân tối cao.

Do đó ông Trương Thanh Đ kháng cáo chỉ đồng ý chia thừa kế đối với 55m² đất thuộc tại thửa đất số 25-85 tại số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, đối với phần diện tích tăng thêm là 128,56m² tại thửa đất số 25-85 thuộc quyền sử dụng của gia đình ông Trương Thanh Đ là chưa có căn cứ. Nên không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Thanh Đ.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M và bị đơn ông Trương Thanh Đ, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông Trương Thanh Đ và bà Đỗ Thị Như M kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Xét ông Trương Thanh Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, về việc yêu cầu chia thừa kế với đối di sản của ông Trần Văn S, bà Đoàn Thị S - mỗi phần thừa kế mỗi người hưởng 700.000.000 đồng và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận; về lãi suất chậm thi hành án; về trách nhiệm không tự nguyện thi hành việc hoàn tiền cho các đồng thừa kế, thì phải bàn giao nhà đất và giấy tờ nhà cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện đấu giá, phát mãi theo quy định của pháp luật; về việc nghĩa vụ xác lập quyền sở hữu đối với nhà, đất số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật; về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M và bị đơn ông Trương Thanh Đ.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 1348/2022/HCPT ngày 19/8/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M:

2.1. Xác định quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 286/2002, do Ủy ban nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/04/2002, với diện tích đất 183,56m² là di sản của cụ ông Trần Văn S và cụ bà Đoàn Thị S.

2.2. Hàng thừa kế theo pháp luật hưởng di sản của cụ Trần Văn S gồm vợ và 07 (bảy) người con: Cụ bà Đoàn Thị S, bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị H, bà Đặng Thị M (chết) nên chồng và con bà Đặng Thị M được hưởng, ông Trần Văn X (chết) nên vợ và các con ông Trần Văn X được hưởng và bà Trần Thị M (chết), nên các con bà Muối được hưởng.

2.3. Hàng thừa kế theo pháp luật hưởng di sản của cụ bà Đoàn Thị S gồm 05 (năm) người con: Bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị H và bà Đặng Thị M (chết) nên chồng và con bà Đặng Thị M được hưởng.

2.4. Chia tài sản chung của cụ ông Trần Văn S và chia di sản thừa kế của cụ bà Đoàn Thị S:

2.4.1. Xác định 1/2 quyền sử dụng đất (của 183,56m²) tại thửa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02 thuộc nhà đất số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G có giá trị là 8.358.446,818 đồng (Tám tỷ ba trăm năm mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm mười tám đồng) là tài sản chung được chia như sau:

- Bà Đoàn Thị S, bà Trần Thị H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H mỗi người được hưởng 928.716.313 đồng (Chín trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm mười ba đồng).

- Chồng và con bà Đặng Thị M gồm: Ông Trương Thanh Đ, ông Trương Thanh D, ông Trương Hoàng P, ông Trương Hoàng M, ông Trương Thanh N, bà Trương Thị Thanh D cùng được hưởng 1.857.432.626 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

- Vợ và con ông Trần Văn X gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, bà Trần Thị T, bà Trần Thị Thiên N, ông Trần Kinh L, bà Trần Thị Thanh T, ông Trần Minh Q, bà Trần Thị Thanh V, bà Trần Thị Lan C, bà Trần Thị Bảo C, ông Trần Trung N cùng được hưởng 928.716.313 (Chín trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm mười ba) đồng - mỗi người được hưởng 92.871.631 đồng (Chín mươi hai triệu tám trăm bảy mươi một nghìn, sáu trăm ba mươi một đồng).

- Các con bà Trần Thị M gồm: Bà Đỗ Thị Như M, ông Đỗ Văn C, bà Đỗ Thị Ngọc M, ông Đỗ Thành L, ông Đỗ Thanh L1, bà Đỗ Thị Xuân M, ông Đỗ Thanh T, bà Đỗ Thị Tuyết M, ông Đỗ Thanh H, ông Đỗ Trung C và vợ con của ông Đỗ Thanh H cùng hưởng 928.716.313 đồng (Chín trăm hai mươi tám triệu bảy trăm mười sáu nghìn ba trăm mười ba đồng) - mỗi thừa kế được hưởng 84.428.755 đồng (Tám mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi lăm đồng) [Trong đó bà Nguyễn Ngọc R, bà Đỗ Thị Thanh T, bà Đỗ Thị Thanh T1, ông Đỗ Thanh H mỗi người được hưởng 21.107.188 đồng (Hai mươi một triệu một trăm lẻ bảy nghìn một trăm tám mươi tám đồng)].

2.4.2. Xác định di sản của cụ bà Đoàn Thị S để lại có giá trị là 9.287.163.131 đồng (Chín tỷ hai trăm tám mươi bảy triệu một trăm sáu mươi ba nghìn một trăm ba mươi một đồng) và được chia như sau:

- Chồng và các con của bà Đặng Thị M gồm: Ông Trương Thanh Đ, ông Trương Thanh D, ông Trương Hoàng P, ông Trương Hoàng M, ông Trương Thanh N, bà Trương Thị Thanh D cùng được hưởng 3.095.721.042 đồng (Ba tỷ không trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi một nghìn không trăm bốn mươi hai đồng).

- Bà Trần Thị H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, mỗi người được hưởng 1.547.860.521 đồng (Một tỷ năm trăm bốn mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn năm trăm hai mươi một đồng).

2.5. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Như M yêu cầu chia di sản thừa kế 06 (sáu) bất động sản gồm: Nhà đất tại số 85 thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 105; nhà đất tại số 85/4 thuộc thửa 510, tờ bản đồ số 105; nhà đất tại số 85/8 thuộc thửa 508, tờ bản đồ số 105; nhà đất tại số 87 thuộc thửa số 507, tờ bản đồ số 105; nhà đất tại số 85/10 thuộc thửa số 505, tờ bản đồ số 105; nhà đất tại số 85/10A thuộc thửa đất số 506, tờ bản đồ số 105, tất cả tọa lạc tại đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Văn L, bà Trần Thị H, ông Trương Thanh D, ông Trương Hoàng P, ông Trương Hoàng M, ông Trương Thanh N, bà Trương Thị Thanh D tự nguyện tặng cho toàn bộ giá trị thừa kế mà họ được hưởng cho ông Trương Thanh Đ toàn quyền sở hữu.

2.7. Ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế không tranh chấp giá trị xây dựng trên đất:

Ghi nhận sự tự nguyện của các con ông Trương Thanh Đ không tranh chấp giá trị xây dựng căn nhà số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G và giao cho ông Trương Thanh Đ toàn quyền sở hữu.

2.8. Giao nhà đất số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa đất số 25-85, tờ bản đồ số 02, theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở số hồ sơ gốc 286/2002 do Ủy ban nhân dân quận G cấp ngày 23/04/2002 cho ông Trương Thanh Đ toàn quyền sở hữu; ông Trương Thanh Đ có trách nhiệm hoàn tiền cho các thừa kế còn lại (chị ông Trần Văn X và chị bà Muối) theo giá trị mà họ được chia tại mục [2.4.1] phần Quyết định của bản án này.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trương Thanh Đ được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

- Bà Đỗ Thị Như M phải nộp án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ vào nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002876 ngày 31/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Đang sự đã nộp xong.

4. Các Quyết định khác của án sơ thẩm về đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu H, bà Trần Thị Mỹ H, về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của ông Trần Văn S, bà Đoàn Thị S - mỗi phần thừa kế mỗi người hưởng 700.000.000 đồng và yêu cầu hủy các Giấy chứng nhận; về lãi suất chậm thi hành án; về trách nhiệm không tự nguyện thi hành việc hoàn tiền cho các đồng thừa kế, thì phải bàn giao nhà đất và giấy tờ nhà cho cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện đấu giá, phát mãi theo quy định của pháp luật; về việc nghĩa vụ xác lập quyền sở hữu đối với nhà, đất số 69/404 (nay là số 61/12) đường Q, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật; về án phí dân sự sơ thẩm; về chi phí tố tụng không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**